

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Thái Hưng	Chủ tịch (từ ngày 06/8/2015)
Ông Dương Khuê	Chủ tịch (trước ngày 20/7/2015)
Ông Đặng Thái Hưng	Thành viên (trước ngày 06/8/2015)
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Thành viên
Ông Khổng Đình Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Song Hải	Thành viên (từ ngày 20/7/2015)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 31/3/2015)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Thái Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Số: 28 /2016/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hoài Nam
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2015-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Thị Hoài Thu
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2461-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.709.798.911	129.884.002.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		40.084.334.532	71.355.861.927
1. Tiền	111	5	4.974.464.379	16.519.812.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.109.870.153	54.836.049.197
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.714.022.973	25.596.440.602
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.041.228.421	7.333.776.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		629.100.000	450.984.593
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	123.694.552	17.891.679.495
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(80.000.000)	(80.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		24.072.343.240	20.806.470.906
1. Hàng tồn kho	141	10.1	24.072.343.240	21.216.129.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	10.2	-	(409.659.033)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.839.098.166	12.125.229.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.839.098.166	12.125.229.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.093.428.756	33.774.919.085
II. Tài sản cố định	220		107.656.369.593	25.943.675.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	107.656.369.593	25.943.675.728
- Nguyên giá	222		170.986.944.571	84.255.479.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.330.574.978)	(58.311.804.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		42.000.000	42.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.000.000)	(42.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		140.000.000	140.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		140.000.000	140.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.740.415.995	7.640.396.691
1. Đầu tư vào công ty con	251	7.1	12.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.1	307.875.000	307.875.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.2	(2.567.459.005)	(4.667.478.309)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.556.643.168	50.846.666
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.556.643.168	50.846.666
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		243.803.227.667	163.658.921.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

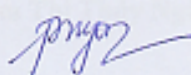
Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		149.695.521.826	79.245.726.180
I. Nợ ngắn hạn	310		69.099.837.126	68.872.207.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.091.434.324	16.916.639.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		232.638.968	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.472.785.934	10.232.142.632
4. Phải trả người lao động	314		4.678.186.484	4.690.074.762
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	70.000.000	15.103.846.281
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	38.382.922	48.174.540
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	40.588.881.368	15.821.914.493
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.927.527.126	6.049.414.870
II. Nợ dài hạn	330		80.595.684.700	10.373.518.750
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	80.595.684.700	10.373.518.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.107.705.841	84.413.195.440
I. Vốn chủ sở hữu	410		94.107.705.841	84.413.195.440
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	13.000.000.000	13.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.000.000.000	13.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	54.142.427.183	6.478.646.954
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.366.995.068	9.116.097.516
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	24.598.283.590	55.818.450.970
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.514.278.822	10.864.278.820
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.084.004.768	44.954.172.150
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		243.803.227.667	163.658.921.620

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 10 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thúy Nga

Nguyễn Lệ Hằng

Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

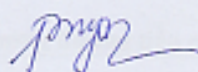
Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	262.778.822.369	292.352.260.197
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	197.383.109	213.247.926
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	262.581.439.260	292.139.012.271
4. Giá vốn hàng bán	11	23	232.899.521.638	257.291.734.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.681.917.622	34.847.278.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.885.521.080	2.993.060.558
7. Chi phí tài chính	22	25	8.278.491.392	5.890.865.031
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.079.505.151	1.205.307.376
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	6.489.251.556	6.584.979.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	8.236.583.043	9.755.596.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.563.112.711	15.608.897.757
11. Thu nhập khác	31	27	7.264.298.547	44.967.755.817
12. Chi phí khác	32	28	(78.586.801)	2.764.899.397
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.342.885.348	42.202.856.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.905.998.059	57.811.754.177
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.821.993.290	12.857.582.027
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.084.004.769	44.954.172.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	10.065	33.473

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 10 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thúy Nga

Nguyễn Lệ Hằng

Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

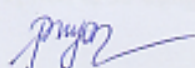
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		238.584.000.837	239.898.693.791
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(237.841.914.012)	(193.855.024.592)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.202.000.616)	(30.675.473.916)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25	(3.079.505.151)	(1.205.307.376)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(12.588.582.027)	(4.257.228.975)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32.338.485.709	79.687.840.968
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.600.811.580)	(62.163.633.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.390.326.840)	27.429.866.637
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(88.956.476.689)	(8.233.277.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22	27	727.272.727	343.636.364
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.986.035.982	2.410.587.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(86.243.167.980)	(5.479.053.811)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		133.626.997.558	44.085.245.244
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.317.256.177)	(45.518.846.081)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20a	(1.950.000.000)	(2.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		87.359.741.381	(4.033.600.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(31.273.753.439)	17.917.211.989
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		71.355.861.927	53.353.870.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.226.044	84.779.039
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		40.084.334.532	71.355.861.927

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2015.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 10 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thúy Nga

Nguyễn Lê Hằng

Đặng Thái Hưng